TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **156**/2019 /HSST

Ngày: 20/8/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Phúc**

- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Quang Linh**

Ông **Đặng Như Hùng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Hồng Hạnh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân, quận T- Tp Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 132/2019/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. PHẠM THỊ MINH T- sinh năm 1990; HKTT và chỗ ở: Khu 1 xã Đ huyện H, tỉnh P; Nghề nghiệp: Y sỹ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đình K; con bà: Đặng Thị C; chồng: Nguyễn Thành C (đã ly hôn); con: Nguyễn Đức S (sinh năm 2010). Tiền án; tiền sự: không; Danh chỉ bản số: 170 lập ngày 08/4/2019 tại Công an quận T; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. BÙI HỮU T - sinh năm 1988; HKTT: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q; Chỗ ở: Không nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T; con bà: Vũ Thị Kim L; Vợ: Trần Thị C (đã ly hôn); con: Bùi Gia L (sinh năm 2013). Tiền án; tiền sự: không; Danh chỉ bản số: 203 lập ngày 09/5/2019 tại Công an quận T; Tạm giữ: 08/5/2019; Tạm giam: 14/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 2 - (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Minh T là bạn của chị Hà Trịnh Phương M. Quá trình nói chuyện, chị M có kể với T về việc anh Trương Thanh S nợ 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) từ lâu nhưng chưa trả. Thấy vậy, T đã chủ động đề nghị việc giúp chị M đòi nợ và chị M đồng ý. Sau đó chị M đã gửi cho T số điện thoại của anh S để T liên lạc. Sau khi có số điện thoại của anh S, T đã liên hệ với anh Trần Vũ Thanh T (bạn xã hội). Để nhờ anh T cùng đi đòi nợ anh S với T nhưng anh T từ chối. Tuy nhiên, anh T hứa sẽ nhờ bạn của anh T đi cùng T. Trước đó, T biết anh S có khả năng cho vay tiền nên T đã gọi cho anh S giả vờ làm người vay vốn và muốn gặp mặt, anh S yêu cầu T cung cấp thông tin cá nhân để anh S kiểm tra xem có đủ điều kiện vay vốn hay không. Lúc này, T gọi cho anh T để hỏi xem có chứng minh thư của ai không thì anh T gửi lại ảnh chụp 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh H, số CMND: 012363039 (do anh T nhặt được). Có được thông tin thì T liền gửi cho anh S rồi hẹn gặp vào 18 giờ ngày 28/5/2018 tại quán trà sữa Ding Tea, 81 đường N, phường K, quận T, Hà Nội. Sau khi nói chuyện với T, anh T đã tới tiệm xăm tại số 119/255 đường L, quận H, TP Hà Nội gặp Vương Văn H nhờ cùng đi đòi tiền với T. H đồng ý. Sau đó, anh T đã gửi cho T số điện thoại của H. T gọi điện và hẹn H 18 giờ ngày 28/05/2018 gặp nhau tại quán trà sữa Ding Tea, số 81 đường N. H đồng ý và rủ thêm Bùi Hữu T đi đòi nợ cùng T. Khoảng 18 giờ ngày 28/05/2018, H và Bùi Hữu T lên tầng 2 quán trà sữa Ding Tea số 81 đường N để gặp T. Ba người nói chuyện một lúc thì H và T sang bàn bên cạnh để T ngồi một mình chờ S. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, anh S cùng anh Phan Trọng L (bạn anh S) đi đến tầng 2 quán trà sữa Ding Tea gặp T. Ngay sau khi anh S và anh L ngồi vào bàn, T và H từ bàn bên cạnh đi sang kê ghế ra sau anh S ngồi để gây sức ép. Lúc này, T nói với anh S, T là chị của M và anh S có nợ

chị M số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) từ lâu chưa trả. Do anh S không thừa nhận nên T đã gọi cho chị M để anh S nói chuyện. Sau khi nói chuyện điện thoại, anh S có nhận là có nợ chị M 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Nghe thấy vậy, T không đồng ý mà yêu cầu anh S phải trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) gồm 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền nợ và 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền xăng xe, nước nôi, đi lại. Do không có đủ tiền nên anh S đã gọi điện thoại cho bạn để vay nhưng không được. T đã chửi anh S đồng thời gọi điện thoại cho anh T để bảo anh S không có tiền trả nhưng anh T nói đang bận rồi tắt máy. Sau đó, T quay sang nói với anh S "Anh em đang đi rồi, có mang theo đồ" với mục đích dọa anh S. Sau đó, T bảo anh S vay anh L tiền để trả luôn nhưng anh L cũng không có nên T yêu cầu anh S phải viết giấy ghi nợ, đồng thời bảo H xuống tầng 1 của quán trà sữa lấy giấy bút. Khi H đem giấy bút lên, anh S không đồng ý viết giấy nên H kéo vai anh S và doạ ''lôi nó ra ngoài đánh cho một trận''. Thấy vậy, T liền lôi điện thoại ra gọi cho anh T và hỏi: "Chúng nó đi đến đâu rồi?" nhưng anh T vẫn tắt máy. T nói lại với mọi người là: "Chúng nó xách theo đồ và đi tới quận Đ rồi" mục đích để doạ anh S. Sau đó, T nói là nếu anh S không viết giấy ghi nợ thì phải đặt lại đồ đạc để làm tin rồi hôm sau cầm tiền tới chuộc đồng thời để cho nhóm của T quay clip làm bằng chứng, yêu cầu anh S phải nói là anh S nợ số tiền 5.000.000đ và tự nguyện để lại đồ làm tin. Do lo sợ bị đánh nên anh S đồng ý để lại chiếc điện thoại Iphone 6S màu hồng, Imei:353264078186371 nhưng H không đồng ý và nói: "Cái điện thoại này giờ chỉ được 2 triệu đồng" nên anh S đã đặt thêm 01 sợi dây chuyền màu vàng dài 48 cm có các mắt nhỏ hình tròn được nối với nhau thành chuỗi dài đang đeo trên cổ để làm tin. Sau đó, anh S tự tháo dây chuyền nhưng không được nên H đã tháo hộ rồi đặt lên bàn để cho T cất điện thoại và dây chuyền vào túi của T rồi cùng T, H đi về. H chở T, T bằng xe máy tới ngã ba đường K – N thì T xuống xe và đưa điện thoại, dây chuyền vừa chiếm đoạt được của anh S cho H đồng thời nhờ H ngày hôm sau đi lấy tiền của anh S, sau đó T đi về, còn H và T chở nhau về tiệm xăm tại số 119 ngõ 255 đường L, quận H, TP Hà Nội.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Trương Thanh S đến cơ quan công an để trình báo.

Quá trình điều tra truy xét đã làm rõ hành vi phạm tội của Phạm Thị Minh T, Vương Văn H và Bùi Hữu T. Quá trình điều tra xác định H, T bỏ trốn. Do vậy,

ngày 05/5/2019, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với H, T. Đến ngày 08/5/2019, Bùi Hữu T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Cơ quan công an đã thu giữ của Vương Văn H: 01 sợi dây chuyền màu vàng dài 48 cm có các mắt nhỏ hình tròn được nối với nhau thành chuỗi dài; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng, Imei:353264078186371; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, Imei:3524040054284631; 01 điện thoại Sony Xperia màu trắng, Imei1: 358140065154504, Imei2: 3858140065154512.

Cơ quan công an đã thu giữ của Bùi Hữu T: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, Imei:354385068558896.

Cơ quan công an đã thu giữ của Phạm Thị Minh T: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám, Imei: 358352069851015.

Cơ quan công an đã thu giữ của anh Trần Vũ Thanh T: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng Imei:359173073888713; 01 điện thoại di ộng Iphone 5S màu xám, Imei: 352008061197460.

Cơ quan công an đã thu giữ của chị Hà Thị Phương M: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu hồng.

Tại bản kết luận giám định số 7055/KLGĐ ngày 11/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có mắt nhỏ hình tròn được nối với nhau thành chuỗi dài, chiều dài 48 cm khối lượng 5,477 gam là vàng; hàm lượng vàng 41,87%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 233/KLĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong TTHS – UBND quận T kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng, Imei:353264078186371 có giá 4.000.000đ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 48 cm có mắt nhỏ hình tròn được nối với nhau thành chuỗi dài có giá 2.500.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Phạm Thị Minh T, Bùi Hữu T và Vương Văn H chiếm đoạt được trị giá 6.500.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị Minh T, Bùi Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng, Imei:353264078186371; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 48 cm có mắt nhỏ hình tròn được nối với nhau thành chuỗi dài cho anh Trương Thanh S. Anh S đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chị Hà Thị Phương M, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Thị Minh T, Bùi Hữu T và Vương Văn H. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu hồng cho chị M.

Đối với anh Trần Vũ Thanh T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Thị Minh T, Bùi Hữu T và Vương Văn H. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng Imei:359173073888713; 01 điện thoại di động Iphone 5S màu xám, Imei: 352008061197460 cho anh T.

Đối với Vương Văn H, quá trình điều tra xác định H bỏ trốn. Ngày 05/5/2019, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với H. Do thời hạn điều tra đã hết, nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can H đồng thời ra quyết định tách tài liệu liên quan để điều tra xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 03/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố Phạm Thị Minh T và Bùi Hữu T về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 170- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ tình tiết nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, và khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T); tuyên phạt bị cáo T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi tháng); tuyên phạt bị cáo T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Áp dụng: Điều 47 - Bộ luật hình sự, Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám, Imei: 358352069851015 thu giữ của Phạm Thị Minh T; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, Imei:354385068558896 thu giữ của Bùi Hữu T.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 170- Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi hoặc quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phạm Thị Minh T và Bùi Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, tang vật vụ án, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 28/5/2018 tại quán trà sữa Ding Tea, 81 đường N, phường K, TP Hà Nội, các bị cáo Phạm Thị Minh T và Bùi Hữu T đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt số tài sản của anh Trương Thanh S là 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng trị giá 4.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 48cm, trị giá 2.500.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản mà T và T chiếm đoạt trị giá 6.500.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những gây mất trật tự trị an, mà còn trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS nước CHXHCNVN.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Phạm Thị Minh T được đánh giá với vai trò khởi xướng, thực hiện. Đã gọi điện thoại cho T, H cùng đi gặp anh S để gây sức ép đe dọa, chiếm đoạt tài sản mà bị cáo cho rằng đây là số tiền anh S nợ của chị Hà Trịnh Phương M là bạn của bị cáo.

Vai trò của bị cáo Bùi Hữu T giúp sức tích cực, cụ thể T đã đưa ra những lời lẽ gây sức ép đe dọa ép buộc anh S phải trả thêm 1.200.000 đồng phí xăng xe nếu không sẽ bị đánh; bị cáo T đã dùng điện thoại quay Clip để tạo dựng chứng cứ việc anh S nợ tiền để anh S phải thừa nhận. Từ những phân tích trên cho thấy vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức, nhưng do bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện nên đã lao vào con đường phạm tội, do vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cả hai bị cáo đều đang nuôi con một mình; bị hại là anh S cũng có một phần lỗi do nợ tiền của chị M bạn T từ lâu không trả, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra đối với bị cáo T chấp hành tốt triệu tập của cơ quan điều tra, do vậy cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, để có cơ hội cải tạo thành công dân tốt; đối với bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên trong quá trình điều tra T đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã, nên T không được hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với Vương Văn H, sau khi tham gia cưỡng đoạt tài sản của anh S đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, tách tài liệu liên quan đến H, khi nào bắt được sẽ xử lý sau, nên không xét.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định,d nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170- Bộ luật hình sự.

Bị hại là anh Trương Thanh S đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên không xét.

Đối với chị Hà Thị Phương M, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu hồng cho chị M là có căn cứ nên không xét.

Đối với anh Trần Vũ Thanh T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng Imei:359173073888713; 01 điện thoại di động Iphone 5S màu xám, Imei: 352008061197460 cho anh T là có căn cứ nên không xét.

** Xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 điện thoại Iphon 6 Plus màu xám, Imei: 358352069851015 thu giữ của bị cáo T, xét thấy T đã sử dụng liên lạc vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di đông Iphone 6Plus màu vàng, Imei: 354385068558896 thu giữ của bị cáo T, xét thấy T đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại có quyền kháng cáo theo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Thị Minh T và Bùi Hữu T** phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản".*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; Điều 38 (đối với bị cáo T); Điều 65 (đối với bị cáo T); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự.

Điều 47 - Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333- Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ: Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

- Xử phạt: Phạm Thị Minh T 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (*hai mươi tư*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND xã Đại Phạm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ để quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69- Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt: Bùi Hữu T 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2019.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphon 6 Plus màu xám, Imei: 358352069851015; 01 điện thoại di động Iphone 6Plus màu vàng, Imei: 354385068558896 *(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019 giữa công an quận T và Chi cục Thi hành án dân sự quận T- thành phố Hà Nội).*

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, tuyên có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội
- VKSND quận T
- Chi cục THADS quận T
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TUẤN PHÚC